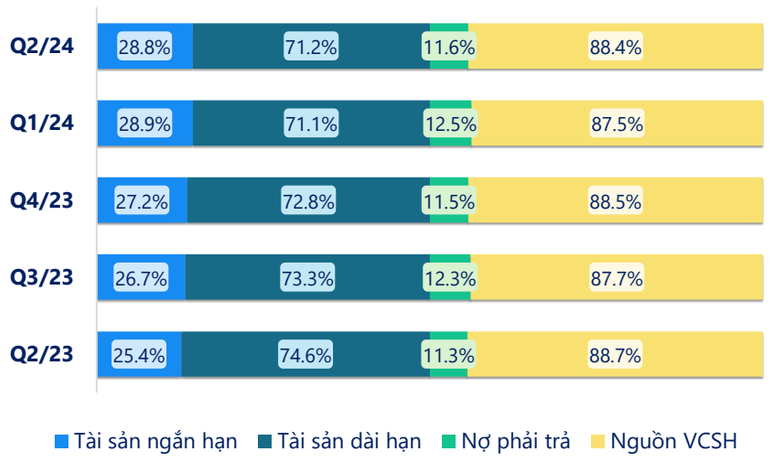
FireAnt

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị (UPCOM: CDO)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	900
SL cổ phiếu LH	31,504,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,870
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44
P/E	-8.0
EPS	-175

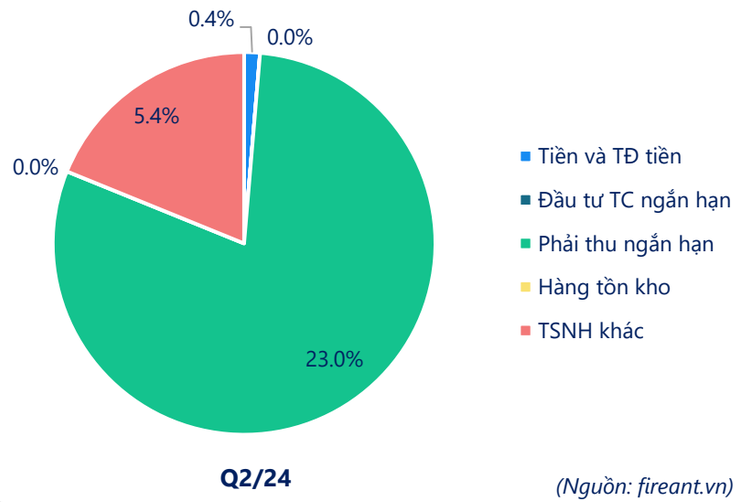
	YTD	1T	3T	6T
CDO	55.6%	7.7%	7.7%	55.6%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



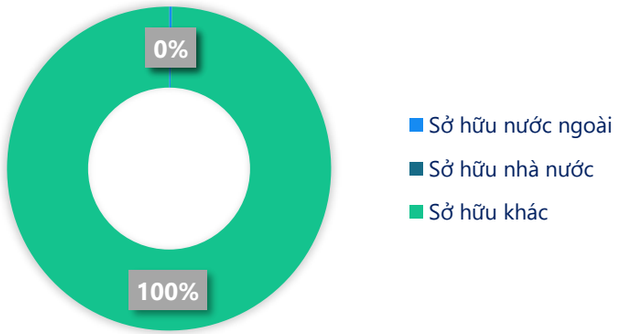
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



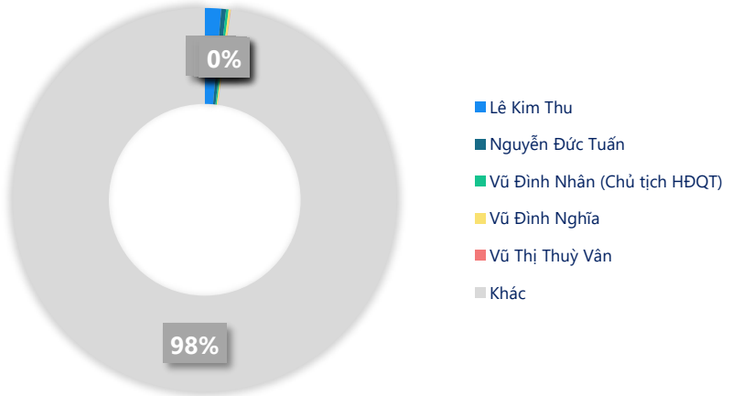
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



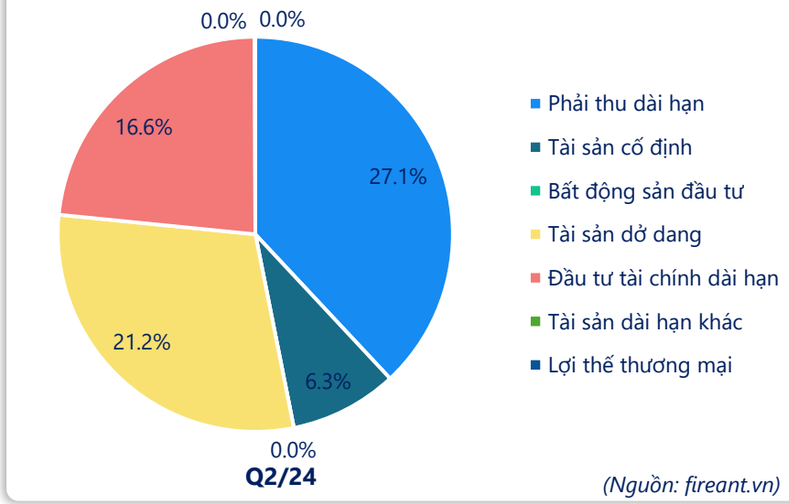
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

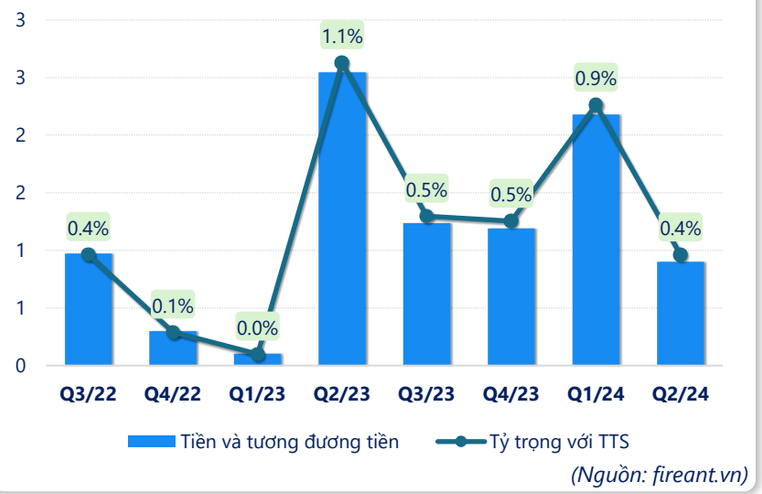


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

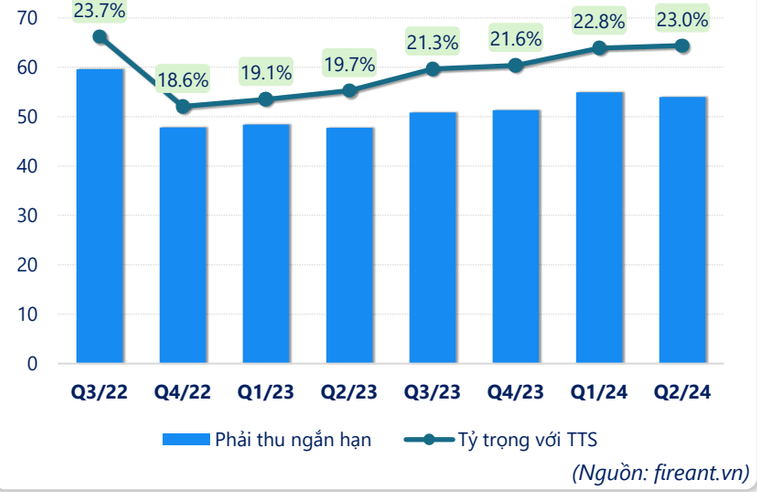
CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị (UPCOM: CDO)

Tiền và tương đương tiền



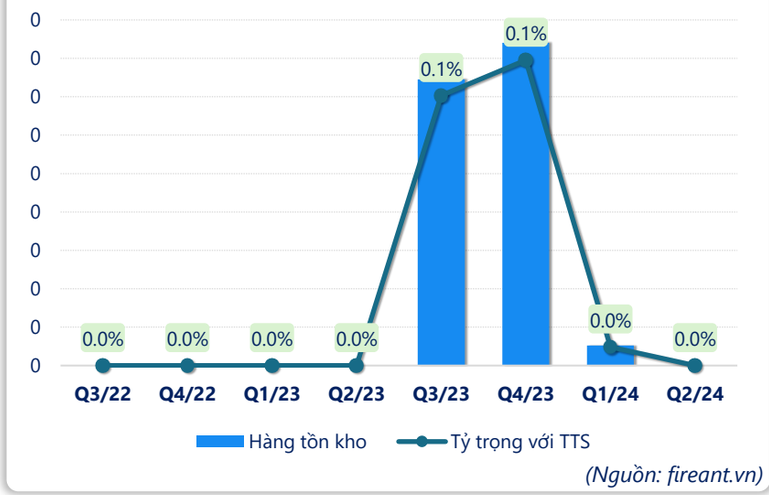
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



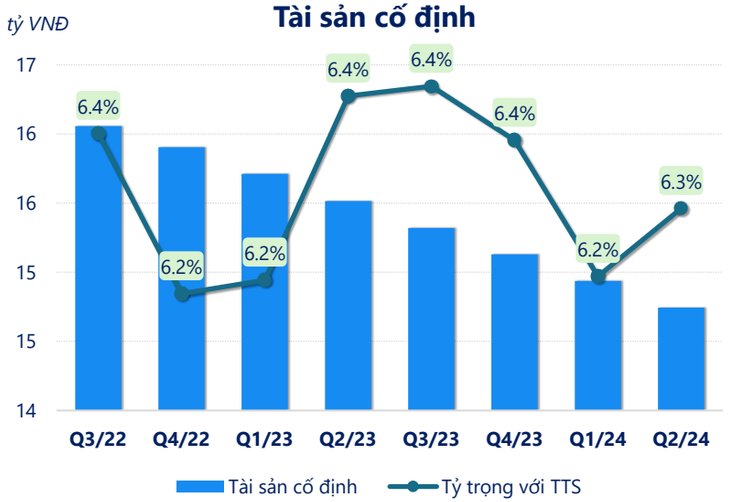
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



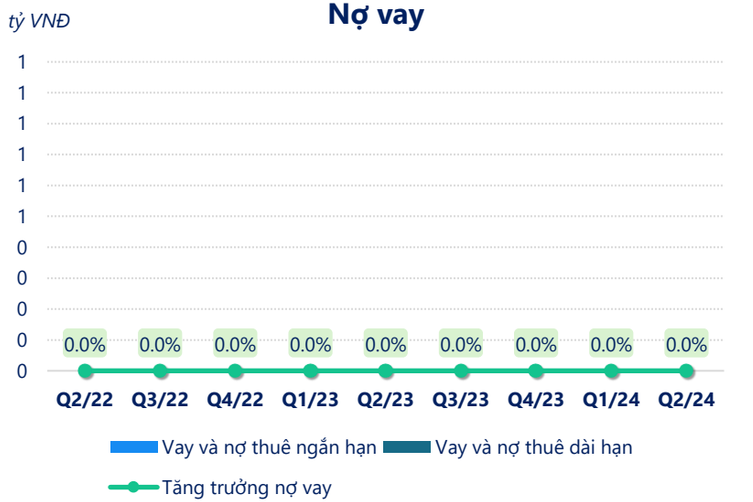
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



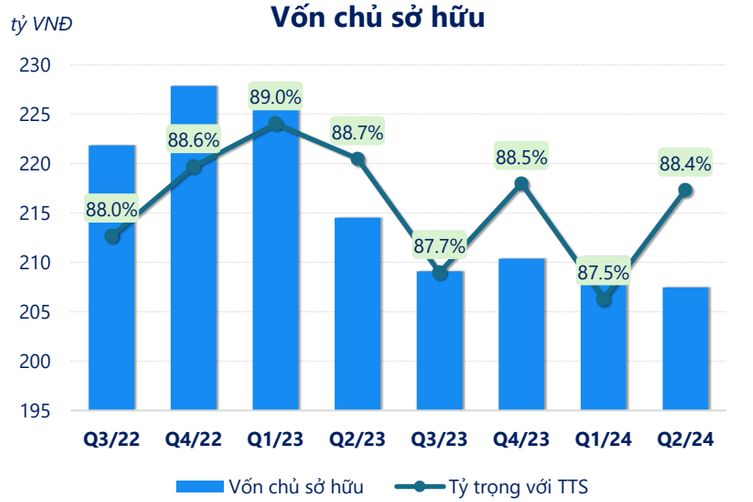
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

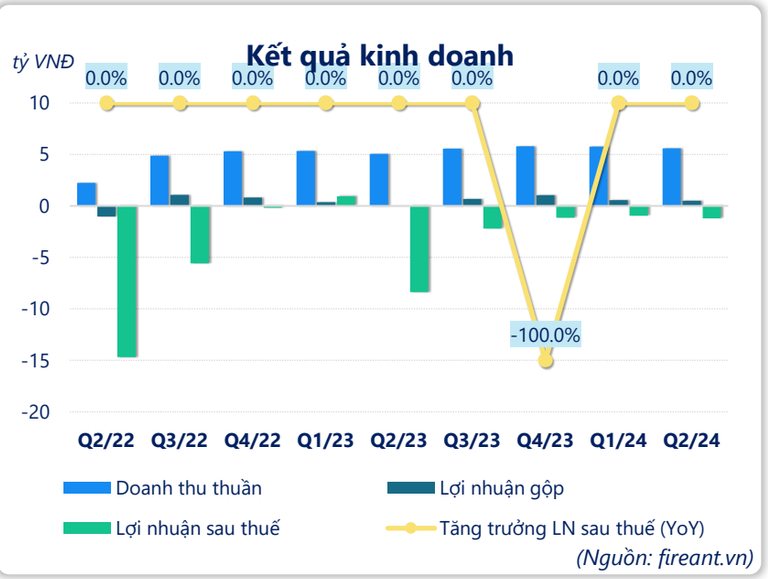
Vốn chủ sở hữu

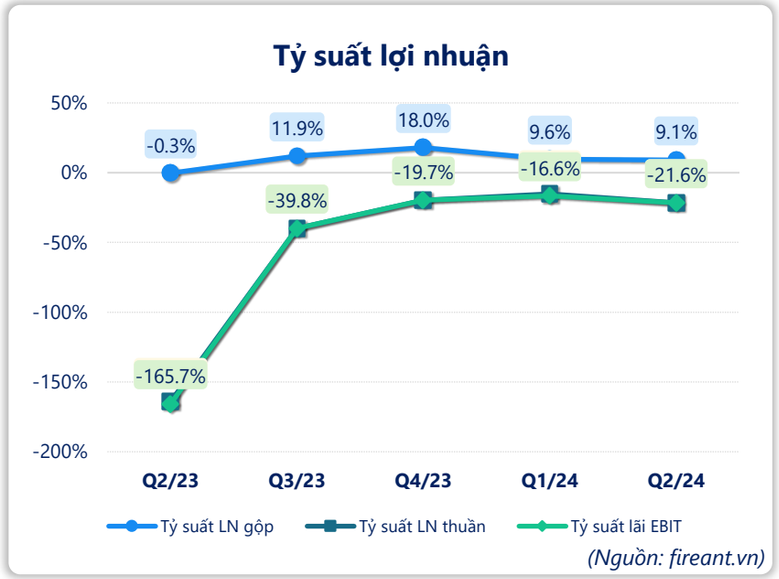


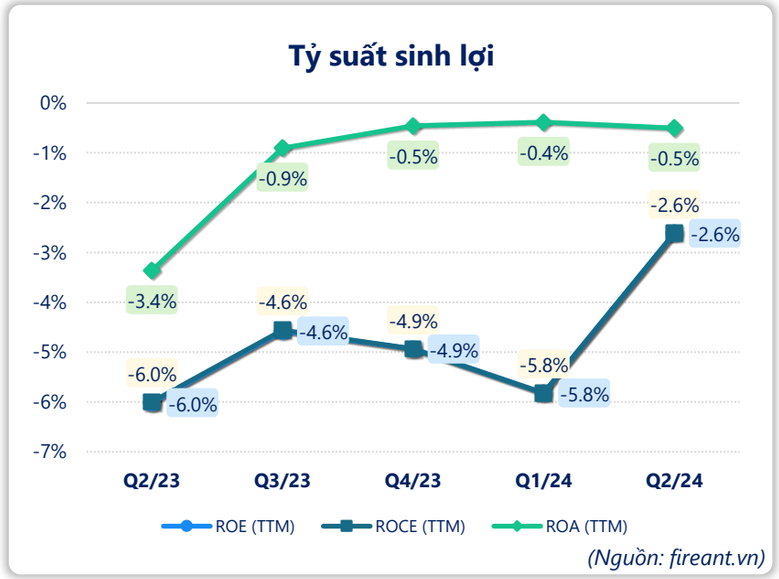
(Nguồn: fireant.vn)

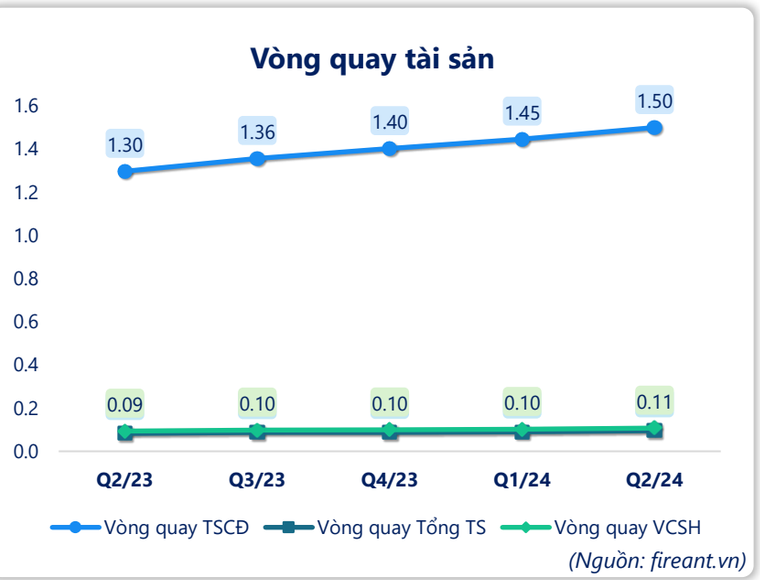
Powered by Infographic

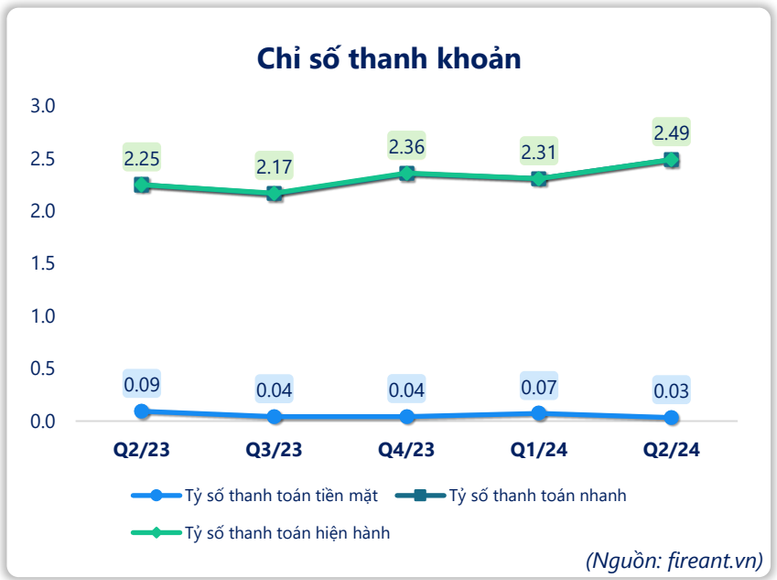
CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị (UPCOM: CDO)

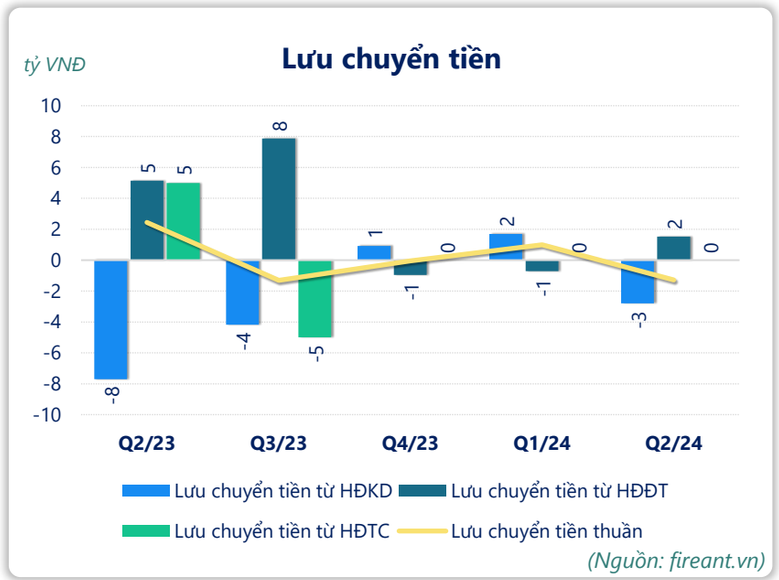












Powered by Infographic

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị (UPCOM: CDO)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**235**	**238**	**-1.3%**
Tài sản ngắn hạn	67.6	64.7	4.5%
Tiền và tương đương tiền	0.90	1.19	-24.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	54.0	51.3	5.2%
Hàng tồn kho	0	0.17	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	12.7	12.0	6.1%
Tài sản dài hạn	**167**	**173**	**-3.5%**
Phải thu dài hạn	63.5	68.4	-7.1%
Tài sản cố định	14.7	15.1	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	49.6	50.4	-1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.1	39.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0.06	0.07	-14.0%
Nợ phải trả	27.2	27.4	-0.8%
Nợ ngắn hạn	**27.2**	**27.4**	**-0.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.46	5.39	1.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**207**	**210**	**-1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**207**	**210**	**-1.4%**
Vốn điều lệ	315	315	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	5.06	5.57	5.79	5.75	5.58
Giá vốn hàng bán	5.07	4.90	4.75	5.19	5.08
Lợi nhuận gộp	-0.01	0.66	1.04	0.55	0.51
Doanh thu HĐTC	0.13	1.71	0.00	1.75	1.63
Chi phí TC	7.66	3.86	0.56	1.57	2.48
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.75	0.72	1.62	1.60	0.86
LN thuần từ HĐKD	-8.29	-2.22	-1.14	-0.87	-1.21
Lợi nhuận khác	-0.09	0	0	-0.08	0.00
LN trước thuế	-8.38	-2.22	-1.14	-0.96	-1.21
Lợi nhuận sau thuế	-8.38	-2.22	-1.14	-0.96	-1.21
LNST của CĐ cty mẹ	-8.38	-2.22	-1.14	-0.96	-1.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.70	-4.17	0.91	1.70	-2.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.14	7.87	-0.96	-0.72	1.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.00	-5.00	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.10	2.54	1.24	1.19	2.18
Lưu chuyển tiền thuần	**2.44**	**-1.31**	**-0.05**	**0.99**	**-1.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.54	1.24	1.19	2.18	0.90

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic